TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/DS-ST
Ngày 31/5/2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nhân Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Trực

2. Ông Nguyễn Văn Vy

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Vũ Quang, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà: Ông Lê Văn Đông, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế, số 60 Nguyễn Huệ, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 295/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 83/2023/QĐST-DS ngày 10/5/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: *Ngân hàng S*, địa chỉ trụ sở chính: Đường N, phường V, Quận B, thành phố M.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lý Minh C, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng S chi nhánh Thừa Thiên Huế. Ông Cương ủy quyền lại cho ông Nguyễn Bảo Quốc V, chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ Ngân hàng S Chi nhánh Thừa Thiên Huế, địa chỉ: Đường H1, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (ông V có mặt).

2. Bị đơn: *Bà Trương Thị Thanh T*, sinh năm 1985, địa chỉ: Đường K, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng S Chi nhánh Thừa Thiên Huế ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với bà Trương Thị Thanh T theo hợp đồng thẻ tín dụng ký ngày 01/07/2020 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ T nhập của bà Trương Thị Thanh T, Ngân hàng đã cấp hạn mức thẻ tín dụng với số tiền 30.000.000 đồng, mục đích vay vốn: Phục vụ đời sống - sinh hoạt tiêu dùng, cho vay không có tài sản bảo đảm (tín chấp).

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Trương Thị Thanh T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 89.472.157 đồng, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Trương Thị Thanh T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 74.136.157 đồng (trong đó: tiền lãi và các loại phí từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 22/02/2022: 17.455.224 đồng, số tiền giao dịch: 56.680.933 đồng).

Mặc dù Ngân hàng thường xuyên đôn đốc, nhiều lần điện thoại liên lạc yêu cầu bà Trương Thị Thanh T có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà Trương Thị Thanh T trả nợ. Tuy nhiên bà Trương Thị Thanh T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do đó ngày 22/02/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Vị vậy, ngày 25/6/2022, Ngân hàng làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Huế buộc bà Trương Thị Thanh T phải trả cho Ngân hàng S số tiền 38.034.591 đồng (trong đó nợ gốc 32.791.224 đồng, lãi quá hạn 5.243.367 đồng)

Tại phiên tòa bị đơn bà Trương Thị Thanh T vắng mặt không rõ lý do. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (gồm Giấy Triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa) cho bị đơn - bà Trương Thị Thanh T nhưng bà T vẫn không đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp, phiên hòa giải nên không lấy được lời khai của bà T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn do ông Nguyễn Bảo Quốc V đại diện trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bà Trương Thị Thanh T phải trả cho Ngân hàng S tổng số tiền tạm tính đến ngày 31/5/2023 là: 52.528.451 đồng, trong đó: tiền gốc: 32.791.224 đồng, lãi quá hạn: 19.737.227 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 01/6/2023 của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký kết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự phát biểu như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và việc thụ lý giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn không

chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trương Thị Thanh T phải trả cho Ngân hàng S số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 31/5/2023 là 52.528.451 đồng, trong đó: tiền gốc: 32.791.224 đồng, tiền lãi quá hạn: 19.737.227 đồng. Đồng thời buộc bà Trương Thị Thanh T phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ lãi tiếp tục phát sinh được quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ đến cho đến khi trả hết nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Đồng thời đề nghị bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu bà Trương Thị Thanh T trả nợ theo Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết; Chủ thể tham gia giao dịch (bà Trương Thị Thanh T) không có đăng ký kinh doanh và mục đích bà T vay tiền để tiêu dùng, không vì mục đích lợi nhuận nên là tranh chấp về dân sự. Bị đơn - bà T có nơi cư trú tại Đường K, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế nên Tòa án nhân dân thành phố Huế thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2]. Đối với bị đơn - bà Trương Thị Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng trong vụ án nhưng vắng mặt không có lý do. Trong đơn khởi kiện, người khởi kiện là Ngân hàng đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bà T theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng như vậy được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện. Bà Trương Thị Thanh T đã đi khỏi nơi cư trú nhưng bà không báo cho Ngân hàng biết địa chỉ cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với Ngân hàng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Trương Thị Thanh T.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S buộc bà Trương Thị Thanh T trả nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng mà nguyên đơn và bị đơn ký kết ngày 01/7/2020 đã thể hiện việc bị đơn được nguyên đơn cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, không có tài sản bảo đảm. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nhở nhưng do bị đơn vẫn không thực

hiện nên nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Do đó số tiền mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tạm tính đến ngày 31/5/2023 là 52.528.451 đồng, trong đó: Tiền gốc: 32.791.224 đồng, lãi quá hạn: 19.737.227 đồng là phù hợp với quy định pháp luật, có cơ sở để chấp nhận.

Về lãi suất phát sinh: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải tiếp tục trả lãi suất phát sinh trong quá trình trả nợ được tính tiếp theo sau ngày xét xử sơ thẩm (ngày 01/6/2023) cho đến khi bị đơn trả hết nợ. Xét yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với thỏa Tận theo Điều 25, Điều 26 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng ngày 01/72020 mà các bên đã ký kết; phù hợp với Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bà Trương Thị Thanh T có nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nên bà Trương Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho Ngân hàng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án là: 52.528.451 đồng x 5% = 2.627.000 đồng (đã làm tròn số).

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463, Điều 466, và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng S.

Buộc bà Trương Thị Thanh T phải trả cho Ngân hàng S số tiền là 52.528.451 đồng *(năm mươi hai triệu, năm trăm hai mươi tám nghìn, bốn trăm năm mươi mốt đồng)*, trong đó: tiền gốc: 32.791.224 đồng, lãi quá hạn: 19.737.227 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Trương Thị Thanh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng

kiêm hợp đồng được ký kết ngày 01/7/2020 giữa bà Trương Thị Thanh T với Ngân hàng S.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 2.627.000 đồng (đã làm tròn số).

Hoàn trả cho Ngân hàng S số tiền 950.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0004779 ngày 14/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Huế;
- TAND tỉnh TT Huế;
- Chi cục THADS tp Huế;
- Đương sự;
- Tổ HC-Tp;
- Lưu hs;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Nhân Đức